



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2016

Thành phố Hồ Chí Minh, 31 tháng 3 năm 2017



CÔNG TY CP FIDITOUR
129 Nguyễn Huệ, P. Bến Nghé, Q.1, TP. HCM
Tel: (08) 39 14 14 14
Fax: (08) 39 14 13 63
www.fiditour.com



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016

NỘI DUNG

I. Thông tin chung

- 1. Thông tin khái quát*
- 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh*
- 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý*
- 4. Định hướng phát triển*
- 5. Các rủi ro*

II. Tình hình hoạt động trong năm

- 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh*
- 2. Tổ chức và nhân sự*
- 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện dự án*
- 4. Tình hình tài chính*
- 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu*
- 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty*

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc

- 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh*
- 2. Tình hình tài chính*
- 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý*
- 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai*
- 5. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán*
- 6. Báo cáo đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường*

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

- 1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty*
- 2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc*
- 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị*

V. Quản trị Công ty

- 1. Hội đồng quản trị*
- 2. Ban kiểm soát*

VI. Báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán

- 1. Ý kiến kiểm toán*
- 2. Báo cáo tài chính được kiểm toán*

FIDITOUR - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2016

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

Công ty cổ phần Fiditour đã trải qua chặng đường 28 năm phát triển (25/3/1989 – 25/3/2017) với xuất phát điểm là một Trung tâm thương mại tổng hợp, đến nay là một trong những doanh nghiệp lữ hành hàng đầu, nằm trong Top ten của ngành du lịch Việt Nam. Fiditour cũng là thành viên chính thức của các Hiệp hội Du lịch quốc tế (PATA, ASTA, JATA), Hiệp hội Du lịch Việt Nam (VTA) và Hiệp hội Du lịch Tp.HCM (HTA).

- Tên Công ty:

- Tên tiếng Việt : Công ty cổ phần Fiditour.
- Tên tiếng Anh : Fiditour Joint Stock Company
- Tên viết tắt và giao dịch: Fiditour
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0302044758, đăng ký lần đầu: ngày 24/1/2005; Đăng ký thay đổi lần thứ 9, ngày 2/6/2016.
- Vốn điều lệ: 30.545.000.000 đồng.
- Thương hiệu và logo :



- Trụ sở Công ty:

* Địa chỉ: 127 – 129 – 129A Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. HCM

* Điện thoại: 08. 3914 1414

* Fax: 08. 3914 1363

* E-mail: fidi@fiditour.com

* Website: <http://www.fiditour.com>

* Mã cổ phiếu: FDT

- Hệ thống chi nhánh:

- Chi nhánh Hà Nội
Địa chỉ: 43 A Ngô Quyền, Q. Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội

- Chi nhánh Đà Nẵng
Địa chỉ: 93 Hàm Nghi, Phường Vĩnh Trung, Quận Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng.

- Chi nhánh Cần Thơ
Địa chỉ: Số 59 Võ Văn Tần, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

- Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh
 - * Chi nhánh Công ty Cổ phần Fiditour – Khách sạn Hoàng Gia
Địa chỉ: 12D Cách mạng Tháng 8, Phường Bến Thành, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

 - * Chi nhánh Công ty Cổ phần Fiditour – Khách sạn Tân Định
Địa chỉ: 50A Đặng Dung, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

 - * Chi nhánh Công ty Cổ phần Fiditour – Khách sạn Đặng Dung
Địa chỉ: 54 Đặng Dung, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu:

- Dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế. Kinh doanh vận chuyển khách theo hợp đồng bằng ô tô. Đại lý vé máy bay.
- Kinh doanh lưu trú du lịch: khách sạn, nhà hàng.
Địa bàn hoạt động: Trong nước và quốc tế.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị Công ty gồm: Đại hội Đồng cổ đông; Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị; Ban Điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc và năm Phó tổng giám đốc. Cơ cấu tổ chức của Công ty được xây dựng trên nguyên tắc phân công, quản lý theo các khối chức năng công việc, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Tổng Giám đốc Công ty quản lý, điều hành thông qua việc phân cấp, phân quyền để trực tiếp giải quyết các công việc cụ thể của các khối thông qua các Phó tổng giám đốc phụ trách khối.

Các phòng ban, đơn vị trực thuộc :

+ 09 Phòng Nghiệp vụ :

- Phòng Kế toán - Tài chính;
- Phòng Hành chính – Nhân sự;
- Phòng Tiếp thị - Đối ngoại - Truyền thông;
- Ban Quản lý dự án;
- Phòng Giao dịch;

- Phòng Dịch vụ khách hàng và Quản lý chất lượng;
- Phòng Công nghệ thông tin.
- Phòng Nghiên cứu và phát triển kinh doanh (vừa là phòng nghiệp vụ, nghiên cứu sản phẩm, vừa là phòng kinh doanh, đưa các sản phẩm mới ra thị trường).
- Phòng Phát triển khách hàng cá nhân (chuyển từ phòng Kế hoạch – giám sát nội bộ).

+ 08 Phòng Kinh doanh lữ hành và dịch vụ:

- Phòng Thị trường quốc tế;
- Phòng Du lịch trong nước;
- Phòng Du lịch nước ngoài;
- Phòng Kinh doanh trực tuyến;
- Phòng Dịch vụ hàng không;
- Trung tâm vận chuyển;
- Phòng Sự kiện.
- Hệ thống phân phối.

+ 04 Phòng Nghiệp vụ Lữ hành :

- Phòng Điều hành;
- Phòng Hướng dẫn;
- Phòng Kế toán lữ hành;
- Phòng Kế toán dịch vụ hàng không.

+ 02 đơn vị kinh doanh lưu trú – văn phòng cho thuê:

- Khách sạn Hoàng Gia;
- Văn phòng cho thuê.

+ Hệ thống Chi nhánh gồm:

- Chi nhánh Hà Nội;
- Chi nhánh Đà Nẵng;
- Chi nhánh Cần Thơ.

- Tổ chức Đảng, Đoàn thể:

- + Chi bộ: gồm 26 Đảng viên;
- + Đoàn thanh niên: gồm 65 đoàn viên.

4. Định hướng phát triển

- Mục tiêu chủ yếu: Công ty lữ hành hàng đầu (trong top 5) và có chất lượng tốt nhất.
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Cung cấp dịch vụ chất lượng cao cho các đối tượng khách hàng có nhu cầu.

- Các mục tiêu phát triển bền vững: Gắn hoạt động kinh doanh với đóng góp cho xã hội trong khả năng cho phép.

5. Các rủi ro

- Rủi ro luật pháp:

+ Luật và các văn bản dưới luật chưa hoàn chỉnh.

+ Các chính sách và hướng dẫn thay đổi thường xuyên, chưa đồng bộ với các quy định khác

- Rủi ro kinh tế: Kinh tế toàn cầu suy thoái kéo dài. Kinh tế Việt Nam còn nhiều bất ổn và tiềm ẩn những nguy cơ khó lường, GDP tăng trưởng thấp, thu nhập không đảm bảo, xu hướng tiết kiệm hơn tiêu dùng.

- Rủi ro biến động tỷ giá ngoại tệ: Tỷ giá USD/VNĐ chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố, có những thời điểm khan hiếm và biến động khó lường. Trong khi đó, việc thanh toán cho các đối tác nước ngoài chủ yếu bằng tiền USD.

- Rủi ro môi trường và bất ổn chính trị: Dịch bệnh, thiên tai, ô nhiễm môi trường, bất ổn chính trị của các quốc gia trên thế giới làm thay đổi kế hoạch du lịch của du khách.

- Rủi ro nợ phải thu khó đòi: Đặc thù ở mảng dịch vụ hàng không là mua trước, thanh toán sau, dễ phát sinh các khoản nợ dây dưa, khó đòi.

- Rủi ro từ việc rò rỉ bí mật kinh doanh, quản trị: Chính sách giá, khách hàng, đối tác; chính sách khuyến khích, thu hút nhân tài bị sao chép, bắt chước...

- Rủi ro từ phía nhà cung cấp: Cung cấp dịch vụ không đúng chất lượng theo hợp đồng hoặc thỏa thuận đã ký kết.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động kinh doanh

Năm 2016 khởi đầu với những tín hiệu khả quan khi tình hình phát triển kinh tế của đất nước có thuận lợi hơn cùng kỳ năm trước, tăng trưởng kinh tế phục hồi rõ nét và đồng đều, thị trường tài chính có những chuyển biến tích cực, cân đối ngân sách được cải thiện. Khó khăn của của doanh nghiệp cũng đã được giảm bớt. Đặc biệt là sức mua du lịch của người dân gia tăng. Vì vậy hoạt động kinh doanh của công ty Fiditour cũng có nhiều thuận lợi song hành cùng các khó khăn đan xen.

*** Về thuận lợi :**

- Thương hiệu Fiditour nằm trong danh sách 10 doanh nghiệp lữ hành hàng đầu Việt Nam nhiều năm liền vẫn tiếp tục được khách hàng tín nhiệm nhất là về uy tín chất lượng.

- Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo Công ty và Ban giám đốc các đơn vị cũng như phần lớn CBNV có tinh thần trách nhiệm với Công ty, toàn tâm toàn ý, kiên trì nỗ lực trong phát triển hoạt động kinh doanh.

- Các đơn vị kinh doanh lữ hành tận dụng triệt để các lợi thế thương hiệu, kinh nghiệm, sự linh hoạt, uyển chuyển để mở rộng thị phần nên năm 2016 phần lớn đều có

lãi, tạo được động lực để vươn tới trong bối cảnh cạnh tranh rất quyết liệt của thị trường.

*** Về khó khăn :**

- Dù kinh tế đã có cải thiện nhưng nhu cầu du lịch phục hồi chậm, hầu hết các phân khúc khách hàng đều thận trọng trong chi tiêu cho dịch vụ này.
- Xu hướng nhiều Du khách chọn tour rẻ, giá thấp cũng như nhiều công ty chấp nhận chất lượng thấp, lãi thấp để hút khách cũng làm giảm thị phần của chúng ta.
- Tình trạng khan hiếm nhân lực kinh doanh lữ hành đặc biệt là nhân viên có kinh nghiệm cũng là một yếu tố khó khăn khác.

Kết quả kinh doanh năm 2016 đạt lãi 4.7 tỷ. Các đơn vị kinh doanh lữ hành phần lớn đều có lãi: Phòng dịch vụ hàng không tăng trưởng khá nhất, đạt 6.6 tỷ so với cùng kỳ tăng 0.74 lần (2.8 tỷ); kế tiếp là Du lịch trong nước đạt 7 tỷ, tăng 1.3 lần so cùng kỳ (4 tỷ); Du lịch nước ngoài đạt 3 tỷ; Phòng Thị trường quốc tế thì lợi nhuận đạt 2.3 tỷ; Kinh doanh trực tuyến đạt 1.8 tỷ tăng 0.3 lần so với cùng kỳ; Trung tâm vận chuyển đạt mức lãi là 669 triệu, tăng 1.1 lần so với cùng kỳ năm trước.

Đáng lưu ý là trong năm 2016, CN Fiditour Cần Thơ hoạt động hiệu quả nhất, đã có lãi sau 4 năm bám trụ tại địa bàn. Chi nhánh Cần Thơ đã ngày càng giành được sự tin nhiệm của khách hàng từ đơn vị nhà nước đến các doanh nghiệp ở một số tỉnh thuộc đồng bằng Sông Cửu Long. Tiếp theo là Chi nhánh Hà Nội cũng bắt đầu có lãi trở lại sau một thời gian củng cố đạt 311 triệu so với cùng kì tăng 1.2 lần. Năm 2016, CN HN đạt lãi 311 triệu và quan trọng hơn là số lượng khách hàng tìm đến ngày càng nhiều nhờ 2 năm qua chất lượng phục vụ đã tạo ấn tượng tốt với các doanh nghiệp phía bắc, khẳng định được uy tín thương hiệu. Riêng Chi nhánh Đà Nẵng thì vẫn chưa có sự bứt phá, nhưng Công ty cũng đang tập trung nhân lực (cử 1 phó tổng giám đốc đặc trách, tăng cường sale có kinh nghiệm) để tạo điều kiện cho CN bám trụ thị trường. Mảng kinh doanh du học không hiệu quả nên Công ty đã cho giải thể. Trung tâm tổ chức sự kiện tiếp tục được củng cố, đang từng bước mở rộng hoạt động.

Bên cạnh việc đẩy mạnh kinh doanh, Công ty cũng tiếp tục các biện pháp tinh giản bộ máy gián tiếp, cắt giảm các chi phí dài hạn. Cụ thể là năm 2016 đã chuyển 06 nhân viên gián tiếp sang kinh doanh, cho nghỉ việc 14 nhân viên gián tiếp và 20 nhân viên kinh doanh yếu kém (bao gồm 14 nhân viên nghỉ do giải thể khách sạn Đặng Dung). Đổi mới công tác tuyển dụng, bổ sung 40 nhân viên kinh doanh mới trong đó có một số là người có kinh nghiệm từ những hãng khác. Tăng cường công tác đào tạo, huấn luyện nên nhiều nhân viên mới đã sớm đạt hiệu quả kinh doanh.

Về hoạt động trên thị trường chứng khoán: Công ty đã thực hiện việc công bố thông tin kịp thời, đầy đủ theo định kỳ và theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về chứng khoán.

2. Tổ chức và nhân sự

Danh sách Ban điều hành: Ban tổng giám đốc có 6 thành viên

Cụ thể:

- Ông Nguyễn Việt Hùng – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc
- Ông Đoàn Thiện Tánh - Phó Tổng giám đốc
- Ông Đặng Trung Nghĩa - Phó Tổng giám đốc
- Bà Lê Thị Hoàng Hà – Phó Tổng Giám đốc, người được ủy quyền thực hiện công bố thông tin cho doanh nghiệp.
- Ông Nguyễn Ngọc An- Phó Tổng Giám đốc
- Ông Trần Thế Dũng- Phó Tổng Giám đốc

Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:

- Tổng giám đốc

Họ tên: NGUYỄN VIỆT HÙNG

- CMND số: 020356189 Ngày cấp: 28/7/2010 Nơi cấp: CA TP.HCM
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 28/4/1958
- Nơi sinh: Sài Gòn
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: 161/2 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đakao, Quận I
- Số điện thoại liên lạc với cơ quan: 083 9141414
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản lý kinh tế
- Quá trình công tác:
 - Từ năm 1981 – năm 1985 : Cán bộ nghiên cứu Phòng Khoa học quân sự, Bộ Tư lệnh TP.HCM
 - Từ năm 1985 – năm 1986 : Cán bộ nghiên cứu Văn phòng Quận ủy Quận I, TPHCM
 - Từ năm 1986 – năm 1989 : Chủ tịch UBND Phường 3, Quận I
 - Từ năm 1989 – năm 2004 : Phó bí thư Chi bộ, Giám đốc Công ty TMDVDL Tân Định (FIDITOURIST) thuộc Tổng công ty Du lịch Sài Gòn (SAIGONTOURIST)
 - Từ năm 2005 – đến nay: Đảng ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ Tổng công ty Du lịch Sài Gòn, Phó bí thư Chi bộ, Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần FIDITOUR
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không có
- Số cổ phần sở hữu đến thời điểm 31/12/2016:

- + Số cổ phần sở hữu của cá nhân: 180.000 cổ phần
- + Số cổ phần đại diện phần vốn nhà nước nắm giữ của công ty: 141.825 cổ phần.
- Số cổ phần sở hữu của những người liên quan đến thời điểm 31/12/2016:
 - + Vợ : Nguyễn Thị Thanh Hương - 76.210 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): không
- Thù lao: Không.
- Các khoản lợi ích khác: không
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không

- **Phó tổng giám đốc**

Họ tên: ĐOÀN THIỆN TÁNH

- CMND số: 020458805 Ngày cấp: 08/01/2004 Nơi cấp: CA TP.HCM
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 08/4/1961
- Nơi sinh: Tam Bình, Thủ Đức, TP.HCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: TP. Hồ Chí Minh
- Địa chỉ thường trú: 52/53 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định, Quận I
- Số điện thoại liên lạc với cơ quan: 083 9141414
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:
 - Từ năm 1979 – năm 1983 : Tham gia LLVT, BCH. Quân sự Phường 4, Quận I.
 - Từ năm 1983 – năm 1989 : Phó chủ tịch UBND Phường 4, Quận I
 - Từ năm 1989 – năm 1994 : Bí thư Chi bộ kiêm Phó giám đốc Công ty TMDVDL Tân Định Fiditourist
 - Từ năm 1995 – năm 1998 : Bí thư Chi bộ Công ty TMDVDL Tân Định (FIDITOURIST) kiêm Giám đốc Khách sạn Hoàng Gia
 - Từ năm 1998 – năm 2005 : Bí thư Chi bộ kiêm Phó giám đốc Công ty TMDVDL Tân Định (FIDITOURIST)
 - Từ năm 2005 – nay : Bí thư Chi bộ, Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần FIDITOUR
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không có
- Số cổ phần sở hữu đến thời điểm 31/12/2016:
 - Số cổ phần sở hữu của cá nhân: 95.960 cổ phần
- Số cổ phần sở hữu của những người liên quan đến thời điểm 31/12/2016: không có

- Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): không
- Thù lao: Không.
- Các khoản lợi ích khác: không.
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không.

- **Phó tổng giám đốc:**

Họ tên: ĐẶNG TRUNG NGHĨA

- CMND số: 021730075 Ngày cấp: 30/06/2000 Nơi cấp: CA TP.HCM
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 23/10/1964
- Nơi sinh: Gia Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Tây Ninh
- Địa chỉ thường trú: 52A Nguyễn Thái Sơn, P3, Gò Vấp
- Số điện thoại liên lạc với cơ quan: 083 9141414
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại Học Kinh tế
- Quá trình công tác:
 - Từ năm 1970 – năm 1983 : Học sinh phổ thông
 - Từ năm 1983 – năm 1987 : Sinh viên ĐH Kinh Tế
 - Từ năm 1987 – năm 1989 : Nhân viên kế hoạch Công ty Văn Hóa Quận 11
 - Từ năm 1989 – năm 1990 : Nhân viên kế hoạch Công ty Phát Hành Sách
 - Từ năm 1990 – nay : Công tác tại Fiditour.
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám Đốc
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không có
- Số cổ phần sở hữu đến thời điểm 31/12/2016.
 - Số cổ phần sở hữu của cá nhân: 68.150 cổ phần
- Số cổ phần sở hữu của những người liên quan đến thời điểm 31/12/2016: không có
- Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): không
- Thù lao: không.
- Các khoản lợi ích khác: không.
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không.

- **Phó Tổng Giám đốc**

Họ tên: TRẦN THẾ DŨNG

- CMND số: 022714372 Ngày cấp: 08/9/2010 Nơi cấp: TP. Hồ Chí Minh
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 07/5/1974

- Nơi sinh: Cần Thơ
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Quảng Ngãi
- Địa chỉ thường trú: 111/26 Xóm Chiếu, P.16, Quận 4
- Số điện thoại liên lạc với cơ quan: 08. 39141414
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học
- Quá trình công tác:
 - ✓ 10/1998 – 5/2012: Công ty CP Fiditour
 - ✓ 6/2012 – 6/2013: Khách sạn Gold Huế
 - ✓ 12/2013 – 1/2015: Công ty CP DV Du Lịch Chợ Lớn (Cholontourist)
 - ✓ 02/2015 – nay: Công ty CP Fiditour
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Phó Tổng giám đốc.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- * Số cổ phần sở hữu đến thời điểm 31/12/2016.
 - Số cổ phần sở hữu của cá nhân: 12.500 cổ phần
- * Số cổ phần sở hữu của những người liên quan đến thời điểm 31/12/2016: Không
- * Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): Không
- * Thù lao: Không.
- * Các khoản lợi ích khác: Không
- * Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- * Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

- **Phó Tổng Giám đốc**

Họ tên: NGUYỄN NGỌC AN

- CMND số: 023500787 Ngày cấp: 01/02/2012 Nơi cấp: TP. Hồ Chí Minh
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 03/08/1976
- Nơi sinh: Diên Châu - Nghệ An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Ninh Bình
- Địa chỉ thường trú: 104 Đường Hữu Nghị, phường Bình Thọ, Quận Thủ Đức, TPHCM
- Số điện thoại liên lạc với cơ quan: 083.9141414
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học
- Quá trình công tác:

Từ tháng 2/1998 đến nay: làm việc tại Công ty TMDV DL Tân Định - Fiditourist nay là Công ty Cổ phần Fiditour, hiện là Phó Tổng giám đốc, kiêm giám đốc phòng Du Lịch Trong Nước, kiêm Giám đốc chi nhánh Cần Thơ, kiêm giám đốc chi nhánh Hà Nội.

- Chức vụ hiện nay tại Công ty: PTGD
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không
- Số cổ phần sở hữu đến thời điểm 31/12/2016.
- Số cổ phần sở hữu của cá nhân: 10,700 cổ phần
- số cổ phần sở hữu của những người liên quan đến thời điểm 31/12/2016: không
- Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): không
- Thù lao: Không.
- Các khoản lợi ích khác: không
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không

- **Phó Tổng Giám đốc**

Họ tên: LÊ THỊ HOÀNG HÀ

- CMND số: 024825694 Ngày cấp: 26/01/2008 Nơi cấp: TP. Hồ Chí Minh
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 30/07/1973
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bình Định
- Địa chỉ thường trú: 85/26 Nguyễn Đình Chiểu, phường 04, quận Phú Nhuận.
- Số điện thoại liên lạc với cơ quan: 083.9141414
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học tài chính - kế toán
- Quá trình công tác:
1996 – 1998: Nhân viên kế toán Công ty cổ phần may – xây dựng Huy Hoàng
1999 – 2000: Nhân viên kế toán Công ty thương mại dịch vụ du lịch Tân Định
2001 – 2004: Phó phòng Kế toán tài vụ Công ty TMDVDL Tân Định

(Fiditourist)

2005 - nay: Kế toán trưởng Công ty cổ phần FIDITOUR

- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Kế toán trưởng
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không
- * Số cổ phần sở hữu đến thời điểm 31/12/2016.
 - Số cổ phần sở hữu của cá nhân: 27.140 cổ phần
- * Số cổ phần sở hữu của những người liên quan đến thời điểm 31/12/2016:
 - Chồng: Nguyễn Quang Tuấn, sở hữu 1.250 cổ phần.
 - Em trai : Lê Hoàng Sơn, sở hữu 10.700 cổ phần.
- * Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): không

- * Thù lao: Không.
- * Các khoản lợi ích khác: không
- * Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): không
- * Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không

4. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2015	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	118,627,962,926	106,883,571,278	+11%
Doanh thu thuần	446,396,081,289	501,099,451,447	-11%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	4,650,480,454	(12,798,446,959)	-136%
Lợi nhuận khác	100,209,560	686,223,119	-85%
Lợi nhuận trước thuế	4,750,690,014	(12,112,223,840)	-139%
Lợi nhuận sau thuế	4,750,690,014	(12,112,223,840)	-139%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%	0%

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2015	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	1.18	1.15	
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh	0.90	0.91	
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u>			
Nợ ngắn hạn			
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.73	0.73	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	2.64	2.67	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình	21.52	28.13	

quân			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	3.76	4.69	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Cổ phần:

- Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành 3.054.500
- Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành 3.054.500
- Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông/thành viên góp vốn trong nước:

Đơn vị: triệu đồng

Thành phần cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ	Ghi chú
Cổ đông là pháp nhân	1.376.920	45%	
Cổ đông là cá nhân	1.677.580	55%	
Tổng cộng	3.054.500	100 %	

- Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn/thành viên góp vốn: Căn cứ vào danh sách cổ đông của Công ty chốt vào ngày 14/3/2017, cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ của Công ty trở lên bao gồm:

Họ và tên	Địa chỉ	Số CMND/ ĐKKD	Số cổ phần	Tỷ lệ
Tổng Công ty Du Lịch Sài Gòn – TNHH MTV (đại diện cho phần vốn nhà nước)	23 Lê Lợi, P.Bến Nghé, Q.1, TP.HCM	0300625210	600.000	19,64
Công ty cổ phần thủy sản Ba	55 Minh Phụng, P.5, Q.6, TP.HCM	0301257351	276.900	9,06
Công ty Cổ phần Da Sài Gòn	139 Xô Viết Nghệ Tĩnh, p. 17, quận Bình Thạnh, TP.HCM	0300393721	250.000	8,18
Công ty TNHH đầu tư phát triển	Lầu 6, MASTER BUILDING, 41-	0304971317	248.280	8,13

Họ và tên	Địa chỉ	Số CMND/ ĐKKD	Số cổ phần	Tỷ lệ
thế giới mới	43 Trần Cao Vân, P.6, Q.3, TP. HCM			
Ông Nguyễn Việt Hùng	2/11 Cao Thắng, Q.3, TP.HCM.	020356189	180.000	5,89
Tổng cộng			1.555.180	50.91

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:

6.1- Tổng lượng nguyên vật liệu sử dụng: Là đơn vị kinh doanh dịch vụ du lịch là chủ yếu, vì vậy nguyên vật liệu sử dụng phụ thuộc phần lớn vào các nhà cung cấp, đối tác trong và ngoài nước.

6.2- Tiêu thụ năng lượng: Tổng chi phí phải trả cho việc tiêu thụ điện: gần 2 tỷ đồng/năm. Tổng chi phí phải trả cho điện thoại, fax, truyền hình cáp: 800 triệu đồng/năm.

6.3- Tiêu thụ nước: Tổng chi phí phải trả cho việc tiêu thụ nước: 350 triệu đồng/năm

6.4- Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường: Công ty luôn tuân thủ các quy định của Pháp luật về bảo vệ môi trường, giảm thiểu tối đa việc sử dụng các nguyên liệu khó tiêu hủy. Đội ngũ CBCNV bên cạnh việc tự thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường thì còn nhắc nhở, hướng dẫn du khách cùng phối hợp bảo vệ môi trường ở các điểm đến: không xả rác bừa bãi, tiết kiệm điện, nước, các vật dụng phải sử dụng nhiều đến nguồn nước.

6.5- Chính sách liên quan đến người lao động

- Số lượng CBCNV: Tổng số lao động trong Công ty tính đến 31/12/2016 là 362 người, giảm 5.8% so với năm trước.

- Chế độ làm việc: Công ty thực hiện chế độ làm việc 8 giờ/ngày. Đối với bộ phận gián tiếp làm việc trong giờ hành chính và đảm bảo 40 giờ/ tuần. Đối với bộ phận làm việc trực tiếp như nhân viên khối lưu trú được bố trí làm việc theo ca, làm việc 48 giờ/ tuần.

- Chính sách lương

Đối với cán bộ công nhân viên làm việc gián tiếp Công ty trả lương theo thời gian. Đối với cán bộ công nhân viên làm việc trực tiếp, Công ty trả lương căn cứ vào hiệu quả kinh doanh của từng cá nhân theo mức lũy tiến cùng nhiều hình thức ưu đãi cộng thêm khác... Thu nhập bình quân năm 2016 là 9.500.000 đ/ người/tháng.

- Chính sách khen thưởng

Áp dụng thưởng trực tiếp trên lãi cho đội ngũ nhân viên kinh doanh, thưởng theo thành tích của Công ty dựa trên kết quả hoạt động hàng năm.

- Chế độ phúc lợi

Việc trích nộp bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và các chế độ phúc lợi khác được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

- Chính sách đào tạo

Công ty chú trọng công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu phục vụ khách hàng. Chính sách đào tạo cho nhân viên bao gồm: Đào tạo chuyên môn nghiệp vụ; kỹ năng phục vụ khách hàng, kỹ năng bán hàng, kỹ năng hướng dẫn, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tiếp thị,... Dựa vào tình hình nhu cầu thực tế, Công ty tổ chức mở lớp đào tạo ngay tại Công ty hoặc gửi đi đào tạo tại các tổ chức, trung tâm đào tạo uy tín trong nước

6.6- Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty luôn quan tâm hỗ trợ các phong trào tại địa bàn nơi có trụ sở hoặc Chi nhánh của Công ty như ủng hộ Quỹ xóa đói giảm nghèo, khó khăn đột xuất. Bên cạnh đó, Công ty thực hiện công tác xã hội phụ dưỡng 01 Mẹ VNAH, vận động hiến máu nhân dịp kỷ niệm thành lập Công ty như là một hoạt động định kỳ.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Doanh thu: 447 tỷ đạt 89% so với năm 2015 (502 tỷ), giảm 11 % nguyên nhân là điều chỉnh hạch toán giá vốn vé máy bay.
- Lợi nhuận trước thuế: 4,75 tỷ
- Chi phí lãi vay tăng 713 triệu.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 3,6 tỷ.
- Lợi nhuận khác giảm 500 triệu.

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản:

- Bất động sản đầu tư: là giá trị quyền sử dụng đất mua vào trong năm. Giá trị của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị đang ghi sổ, vì vậy không có tổn thất do giảm giá.

b. Tình hình nợ phải trả:

Không có biến động lớn về khoản nợ cũng như về chênh lệch tỷ giá làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Công ty đã rà soát tinh giản nhân sự, mạnh dạn cho nghỉ việc các nhân sự yếu kém, triển khai thực hiện nhiều hoạt động để khắc phục khó khăn.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Fiditour tiếp tục thực hiện các biện pháp mang lại kết quả trong năm 2016 đồng thời phát triển thêm một số hoạt động mới tập trung hơn nữa cho việc bán được sản phẩm nhằm phục hồi kết quả kinh doanh, đảm bảo lãi toàn công ty. Cụ thể như sau:

a. Về kinh doanh:

- Mở rộng các loại hình tour, linh hoạt chuyển đổi dần hình thức kinh doanh tour lẻ trọn gói nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường. Bên cạnh dòng tour phổ thông, công ty cung cấp thêm dòng tour F&E, Option, tour siêu tiết kiệm,... cho phù hợp tình hình thực tế. Đẩy mạnh hơn nữa việc khai thác thị phần tour MICE cả trong và ngoài nước, charter máy bay...
- Thúc đẩy hơn nữa việc bán tour online bằng nhiều biện pháp. Chủ động lên chương trình và mời các ngân hàng, đơn vị phát hành thẻ hợp tác thương hiệu để đẩy mạnh kinh doanh trực tuyến đang có chiều hướng phát triển tốt.
- Huấn luyện cho mọi NV có thể bán được các loại hình tour và huy động toàn lực vào công tác tiếp thị. Tuyển dụng thêm nhân viên khối kinh doanh tour đoàn để đẩy mạnh chào hàng các công ty lớn tại khu vực Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng, Cần Thơ và các tỉnh thành khác.
- Phát huy vai trò chủ động của các Phó Tổng Giám đốc trong quản lý khối mình phụ trách và phối hợp liên khối sao cho hiệu quả nhất; điều phối sự phối hợp giữa các phòng, giữa các chi nhánh trong chào hàng tiếp thị, xây dựng sản phẩm chung để đáp ứng tất cả các yêu cầu của khách hàng.
- Tập trung phát triển hệ thống đại lý thật sự hiệu quả, với nhiều hình thức hợp tác linh hoạt nhằm tăng lượng khách du lịch qua Fiditour. Công ty tổ chức tập huấn định kỳ hàng quý cho các Đại lý nhằm thắt chặt mối quan hệ và nâng cao năng lực bán cho các Đại lý.

b. Về quảng bá:

- Tiếp tục điều chỉnh trọng tâm công tác quảng bá tiếp thị xoáy mạnh vào mục tiêu bán được nhiều tour, tạm thời hoãn lại các chương trình dài hạn. Mở rộng việc liên kết với các công ty khác nhằm gia tăng tiện ích cho khách hàng qua các chương trình hợp tác thương hiệu.
- Định hướng kết hợp linh hoạt các hình thức tiếp thị, áp dụng nhanh các phương tiện truyền thông kỹ thuật số như web, mail, e-newsletter, tin nhắn SMS, mạng xã hội song song với báo giấy, báo hình, báo online... nhằm giảm thiểu tối đa chi phí nhưng vẫn đảm bảo hiệu quả quảng bá như yêu cầu. Đồng thời, xây dựng các phương thức đo lường hiệu quả tiếp thị để có sự thay đổi kịp thời nhằm sử dụng ngân sách một cách hợp lý nhất.
- Mở rộng công tác chăm sóc khách hàng ra các lĩnh vực hoạt động khác của công ty như: vé máy bay, vận chuyển,... Số hóa và cải tiến các hình thức chăm sóc khách hàng, đặc biệt là khắc phục các sự cố trong tour (nếu có), đảm bảo khách hàng hài lòng và tiếp tục sử dụng sản phẩm dịch vụ của công ty.

c. Về đội ngũ Nhân sự:

- Tăng cường tổ chức các buổi trao đổi - chia sẻ kinh nghiệm, tập huấn nhân viên về tuyến điểm, kỹ năng bán nhiều loại hình sản phẩm dịch vụ. Bên cạnh đó, tiếp tục nâng cao tinh thần chủ động kinh doanh và ý thức tận tâm phục vụ khách hàng của BC-NV.
- Bổ sung kịp thời nhân sự cho các đơn vị kinh doanh, tích cực tìm nguồn cung ứng, đặc biệt là nhân sự có kinh nghiệm.

5. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2016, hoạt động của Công ty có sự phục hồi khả quan. Các đơn vị thuộc khối lữ hành như phòng Du lịch nước ngoài, Phòng Thị trường quốc tế, Trung tâm vận chuyển, Phòng Dịch vụ hàng không đều đạt lãi khá. Phòng Sự kiện đã đáp ứng được nhu cầu nội bộ và phát triển kinh doanh ra bên ngoài. Các chi nhánh: Hà Nội, Đà Nẵng đã có lãi, ổn định uy tín thương hiệu song song với việc tăng cường nguồn nhân lực có chất lượng chuyên môn, có tâm với công việc và Công ty. Về công tác quảng bá, quảng cáo, chăm sóc khách hàng đều có sự phát triển hơn so với năm trước, các trang web của Công ty được quan tâm đầu tư, cải tiến giao diện. Việc xây dựng các sản phẩm mới cũng được chú trọng, mở thêm được thị phần và thu hút nguồn khách mới. Công ty tiếp tục củng cố chính sách chất lượng, thường xuyên trao đổi rút kinh nghiệm với các đối tác cung cấp dịch vụ để nhằm đảm bảo chất lượng ổn định đúng như cam kết với khách hàng.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban tổng giám đốc Công ty

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và những quy chế, quy định đã ban hành, Hội đồng quản trị giao quyền cho Ban Tổng giám đốc quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh đồng thời thiết lập cơ chế kiểm tra, giám sát Ban Tổng giám đốc thông qua hệ thống các báo cáo tổng hợp, chi tiết và các kỳ họp Hội đồng quản trị thường kỳ hoặc đột xuất. Kết thúc năm 2016, Hội đồng quản trị đánh giá Ban Tổng giám đốc đã thực hiện đầy đủ và đúng theo các chỉ đạo của Hội đồng quản trị đề ra. Các thành viên trong Ban Tổng giám đốc đều được phân công rõ ràng phụ trách từng khối và được ủy quyền để luôn chủ động trong công tác điều hành, chỉ đạo kinh doanh, kết quả kinh doanh năm 2016 đại lãi trước thuế 4.750 tỷ.

3. Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị :

+ Giải pháp kinh doanh:

- Phát triển bán 3 dòng sản phẩm: phổ thông, siêu tiết kiệm và cao cấp.
- Dẫn đầu thị trường một vài tour mới lạ.
- Phối hợp tốt công tác tiếp thị liên phòng để gia tăng hiệu quả và tiết kiệm chi phí cũng như tạo đồng bộ thương hiệu khi chào bán các dịch vụ.
- Tập trung tiếp thị các khách hàng mục tiêu định sẵn trong từng giai đoạn.

- Chuẩn hóa công tác chuẩn bị đấu thầu và đánh giá hiệu quả, rút kinh nghiệm nhanh.
- Tiếp tục hoàn thiện phần mềm nội bộ để đáp ứng nhu cầu kinh doanh và quản trị.
- Huấn luyện nhân viên các kỹ năng e-marketing hiệu quả, an toàn.
- Cập nhật, nâng cấp, chỉnh sửa các website trong hệ thống Fiditour, đảm bảo vận hành tốt và mang tính bảo mật cao. Phát triển, nâng cấp website phiên bản Mobile, tablet.

+ Giải pháp quảng bá, chăm sóc khách hàng:

- Tiếp tục chuyển sang hình thức quảng bá online, mạng xã hội, thiết bị di động... Nội dung quảng bá nêu bật thế mạnh của Fiditour: Dịch vụ chăm sóc khách hàng tốt và Chất lượng dịch vụ cao.
- Phát triển quan hệ liên kết với các đơn vị khác trên cơ sở thực sự hiệu quả.
- Đẩy mạnh phát triển các hoạt động digital marketing.
- Tiếp tục đổi mới hình thức chăm sóc khách hàng, mở rộng công tác chăm sóc khách hàng cho tất cả các đơn vị và gắn công tác chăm sóc khách hàng với chào mời sản phẩm mới.
- Gắn chặt để cải tiến việc chăm sóc khách hàng với nâng cao chất lượng và chuẩn hóa tour.

V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị

Thành viên và cơ cấu của HĐQT: Hội đồng quản trị có 07 thành viên, trong đó có 03 thành viên độc lập không điều hành là Ông Phạm Thanh Bình, Bà Thái Diệu Hà, ông và ông Huỳnh Bá Lân. Các thành viên gồm:

1. Ông Nguyễn Việt Hùng, chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc.
2. Ông Phạm Thanh Bình, phó chủ tịch hội đồng quản trị nhiệm.
3. Ông Đoàn Thiện Tánh, ủy viên hội đồng quản trị kiêm Phó tổng giám đốc.
4. Ông Đặng Trung Nghĩa, ủy viên hội đồng quản trị, kiêm Phó tổng giám đốc.
5. Bà Thái Diệu Hà, ủy viên hội đồng quản trị.
6. Bà Lê Thị Hoàng Hà, ủy viên hội đồng quản trị kiêm Kế toán trưởng.
7. Ông Huỳnh Bá Lân, ủy viên hội đồng quản trị.

Kể từ ngày 25/11/2016, ông Hồ Anh Tuấn được bổ sung là thành viên Hội đồng quản trị thay thế ông Phạm Thanh Bình (là đại diện cho Tổng công ty du lịch Sài Gòn TNHH MTV) nghỉ hưu.

*** Hoạt động của Hội đồng quản trị:**

- Các cuộc họp của HĐQT:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
01	Ông NGUYỄN VIỆT HÙNG	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc	15/3/2013	04	100%	
02	Ông PHẠM THANH BÌNH	Phó chủ tịch	15/3/2013	03	75%	Đi công tác
03	Ông HỒ ANH TUẤN	Phó chủ tịch	25/11/2016	01	100%	Thay thế ông Phạm Thanh Bình
04	Ông HUỖNH BÁ LÂN	Ủy viên	15/3/2013	04	100%	
05	Ông ĐOÀN THIÊN TÁNH	Ủy viên kiêm Phó Tổng giám đốc	15/3/2013	04	100%	
06	Ông ĐẶNG TRUNG NGHĨA	Ủy viên kiêm Phó Tổng giám đốc	15/3/2013	04	100%	
07	Bà THÁI DIỆU HÀ	Ủy viên	15/3/2013	04	100%	
08	Bà LÊ THỊ HOÀNG HÀ	Ủy viên	15/3/2013	04	100%	

- Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc:

+ Giám sát việc thực hiện các nội dung, chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đề ra.

01	Ông Bùi Tấn Tài	Thành viên Ban kiểm soát	61.760	2.022	31.760	1.04	Từ ngày 04/01/2016 đến 11/01/2016 bán 30.000 cổ phiếu
----	-----------------	--------------------------	--------	-------	--------	------	---

- Các giao dịch khác: (các giao dịch của cổ đông nội bộ/ cổ đông lớn và người liên quan với chính Công ty): Không.

- Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát: 05% /lợi nhuận trước thuế, số tiền: 237.534.501 đ (hai trăm ba mươi bảy triệu năm trăm ba mươi bốn ngàn năm trăm lẻ một đồng).

- Thu nhập của Ban Tổng giám đốc:

Ông Nguyễn Việt Hùng – Tổng giám đốc: 238.032.200 đồng.

Ông Đoàn Thiện Tánh – Phó Tổng giám đốc: 203.043.040 đồng.

Ông Đặng Trung Nghĩa – Phó Tổng giám đốc: 293.872.000 đồng.

Ông Nguyễn Ngọc An – Phó Tổng giám đốc: 404.953.400 đồng.

Ông Trần Thế Dũng – Phó Tổng giám đốc: 198.367.320 đồng.

Bà Lê Thị Hoàng Hà – Phó Tổng giám đốc: 201.543.600 đồng.

VI. Báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán:

1. Ý kiến của Công ty TNHH Kiểm toán DTL như sau:

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Fiditour tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập ngày 10 tháng 03 năm 2017.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B 01 – DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		92.340.662.020	77.640.581.696
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	19.968.466.274	16.315.510.404
1. Tiền	111		19.968.466.274	16.247.203.082
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	68.307.322
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		48.538.122.669	41.621.373.450
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	24.360.999.981	23.092.185.115
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	17.624.737.821	11.644.153.392
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	6.552.384.867	6.885.034.943
III. Hàng tồn kho	140	5.5	22.033.767.676	15.875.886.545
1. Hàng tồn kho	141		22.033.767.676	15.875.886.545
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.800.305.401	3.827.811.297
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		995.023.910	1.408.049.666
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.171.980	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.12	802.109.511	2.419.761.631
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		26.287.300.906	29.242.989.583
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		625.824.400	716.824.400
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	625.824.400	716.824.400
II. Tài sản cố định	220		10.909.864.441	13.185.436.781
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	10.830.793.597	13.079.255.932
Nguyên giá	222		46.675.710.613	46.675.710.613
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(35.844.917.016)	(33.596.454.681)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.6	79.070.844	106.180.849
Nguyên giá	228		315.932.576	315.932.576
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(236.861.732)	(209.751.727)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.7	10.481.340.586	10.481.340.586
Nguyên giá	231		10.481.340.586	10.481.340.586
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.9	3.380.780.000	3.474.390.400
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3.638.780.000	3.864.430.862
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(258.000.000)	(390.040.462)
V. Tài sản dài hạn khác	260		889.491.479	1.384.997.416
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		889.491.479	1.384.997.416
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		118.627.962.926	106.883.571.279

(Xem tiếp trang sau)

NGUỒN VỐN	M ã số	TM	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		86.067.065.818	77.720.881.685
I. Nợ ngắn hạn	310		78.545.806.451	67.748.136.978
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	4.434.319.904	4.912.882.020
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.11	27.073.972.880	20.791.475.520
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	197.677.909	-
4. Phải trả người lao động	314		903.492.427	460.230.930
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		2.471.741.335	2.124.751.308
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.13	21.124.847.412	16.713.548.038
7. Phải trả ngắn hạn khác	319		1.089.263.478	2.154.792.181
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14	20.635.907.326	20.590.456.981
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		614.583.780	-
II. Nợ dài hạn	330		7.521.259.367	9.972.744.707
1. Phải trả dài hạn khác	337		1.568.630.666	1.106.630.666
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.14	5.952.628.701	8.866.114.041
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	5.15	32.560.897.108	29.162.689.594
I. Vốn chủ sở hữu	410		32.560.897.108	29.162.689.594
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		30.545.000.000	30.545.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30.545.000.000	30.545.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.619.350.826	6.471.833.326
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(3.603.453.718)	(7.854.143.732)
LNST lũy kế đến cuối năm trước	421a		(7.854.143.732)	4.258.080.108
LNST năm nay	421b		4.250.690.014	(12.112.223.840)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		118.627.962.926	106.883.571.279

Mẫu số B 02 – DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH
DOANH**

Đơn vị tính: VND

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	446.866.137.450	502.022.059.944
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	470.056.161	922.608.497
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		446.396.081.289	501.099.451.447
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	407.845.969.419	476.327.805.376
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		38.550.111.870	24.771.646.071
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		571.327.893	293.132.213
7. Chi phí tài chính	22		2.411.451.540	1.625.412.749
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		2.273.536.586	1.560.608.249
8. Chi phí bán hàng	24	6.4	9.338.714.150	9.841.365.252
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.5	22.720.793.619	26.396.447.242
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.650.480.454	(12.798.446.959)
11. Thu nhập khác	31		139.202.481	728.060.609
12. Chi phí khác	32		38.992.921	41.837.490
13. Lợi nhuận khác	40		100.209.560	686.223.119
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.750.690.014	(12.112.223.840)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.6	-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.750.690.014	(12.112.223.840)
17. Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	5.15	1.392	(3.965)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	M ã số	TM	Năm 2016	Năm 2015
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		4.750.690.014	(12.112.223.840)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BDSĐT	02		2.275.572.340	2.358.043.413
Các khoản dự phòng	03		(132.040.462)	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(300.625.695)	(288.194.706)
Chi phí lãi vay	06		2.273.536.586	1.560.608.249
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		8.867.132.783	(8.481.766.884)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(5.211.269.079)	4.907.473.267
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(6.157.881.131)	2.114.352.069
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		9.750.656.628	(6.599.037.003)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		908.531.693	383.063.181
Tiền lãi vay đã trả	14		(2.162.456.586)	(1.560.608.249)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	(605.973.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		5.994.714.308	(9.842.496.619)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(14.735.555.132)
2. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		88.023.136	
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		438.253.421	288.194.706
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		526.276.557	(14.447.360.426)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		63.564.751.099	64.669.757.471
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(66.432.786.094)	(38.639.673.173)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36		-	(1.527.250.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.868.034.995)	24.502.834.298
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50	5.1	3.652.955.870	212.977.253
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		16.315.510.404	16.102.533.151
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70		19.968.466.274	16.315.510.404

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Fiditour (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003065 ngày 24 tháng 01 năm 2005 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 09 tháng 04 năm 2013.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 30.545.000.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 338 (Tại ngày 01 tháng 01 năm 2016 là: 424).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục, giáo dục nghề nghiệp;
- Điều hành tour du lịch, vận tải hành khách đường bộ;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2016 gồm:

Tên	Địa chỉ
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Fiditour	127 – 129 – 129A Nguyễn Huệ, Quận 1, T. Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Fiditour – Chi nhánh Cần Thơ	59 Võ Văn Tần, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
Công ty Cổ phần Fiditour – Chi nhánh khách sạn Đặng Dung	54 Đặng Dung, Phường Tân Định, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Fiditour – Chi nhánh khách sạn Hoàng Gia	12D Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Fiditour – Chi nhánh khách sạn Tân Định	50A Đặng Dung, Phường Tân Định, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Fiditour – Chi nhánh Hà Nội	43A Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
Công ty Cổ phần Fiditour – Chi nhánh Đà Nẵng	47B Lê Duẩn, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH, KỶ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ

2.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.3. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1. Ngoại tệ

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank).
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ.
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong năm.

4.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31

tháng 12 năm 2016. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán “Báo cáo lưu chuyển tiền tệ”.

4.4. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư khác được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của các khoản đầu tư này giảm xuống thấp hơn giá gốc, việc trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính.

4.5. Các khoản phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản nợ phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được trình bày theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ với các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.6. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định bao gồm các chi phí về nhân công, vật liệu, dịch vụ thuê ngoài... liên quan đến dịch vụ mà Công ty cung cấp.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá đích danh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<u>Năm 2016</u>
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 10 năm
▪ Máy móc thiết bị	06 – 11 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	07 – 10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 08 năm

4.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

4.9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu

tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

4.10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.11. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

4.12. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu của dịch vụ tour đã hoàn thành nhưng chi phí thực hiện tour chưa thể xác định một cách đáng tin cậy để ghi nhận giá vốn tương ứng. Doanh thu chưa thực hiện sẽ được tính, xác định và kết chuyển vào doanh thu trong kỳ khi chi phí của các tour du lịch tương ứng đã được xác định một cách đáng tin cậy.

4.13. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.14. Doanh thu

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ cung cấp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

4.16. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm xe...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

4.17. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo mức thuế 10%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.18. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Tiền mặt	3.452.305.598	2.261.473.287
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	16.516.160.676	13.985.729.795
Các khoản tương đương tiền	-	68.307.322
Cộng	19.968.466.274	16.315.510.404

5.2. Phải thu của khách hàng

Các khoản phải thu ngắn hạn của từng khách hàng chiếm tỷ trọng dưới 10% trên tổng số nợ phải thu khách hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Phải thu khách hàng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Phải thu từ hoạt động hướng dẫn du lịch	1.241.455.386	3.048.642.899
Phải thu từ hoạt động bán vé máy bay	15.782.541.499	17.764.166.393
Phải thu từ hoạt động khác	7.337.003.096	2.279.375.823
Cộng	24.360.999.981	23.092.185.115

5.3. Trả trước cho người bán

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Trả trước cho hoạt động hướng dẫn du lịch	5.453.787.112	593.289.924
Trả trước cho hoạt động bán vé máy bay	10.519.670.267	9.579.229.111
Trả trước cho hoạt động khác	1.651.280.442	1.471.634.357
Cộng	17.624.737.821	11.644.153.392

5.4. Phải thu khác

	Tại ngày 31/12/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Tạm ứng	5.616.322.013	-	5.266.677.723	
Phải thu BHXH	693.777.744	-	847.896.144	-
Phải thu khác	242.285.110	-	770.461.076	-
Cộng	6.552.384.867	-	6.885.034.943	-
Dài hạn:				
Ký quỹ	625.824.400	-	716.824.400	
Cộng	625.824.400	-	716.824.400	-

5.5. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	254.270	-	899.451	-
Công cụ, dụng cụ	423.187.491	-	441.378.400	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	21.602.464.159	-	15.407.825.981	-
Hàng hóa	7.861.756	-	25.782.713	-
Cộng	22.033.767.676	-	15.875.886.545	-

Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang chủ yếu là tập hợp chi phí của các tour du lịch chưa được quyết toán.

5.6. Tài sản vô hình

	Phân mềm
	VND
Nguyên giá:	
Tại ngày 01/01/2016	315.932.576
Mua trong năm	-
Tại ngày 31/12/2016	315.932.576
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Tại ngày 01/01/2016	209.751.727
Khấu hao trong năm	27.110.005
Tại ngày 31/12/2016	236.861.732
Giá trị còn lại:	
Tại ngày 01/01/2016	106.180.849
Tại ngày 31/12/2016	79.070.844

5.7. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất mua vào trong năm 2015 với mục đích đầu tư chờ tăng giá. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị đang ghi sổ. Do đó, không có tổn thất do giảm giá trị đối với bất động sản đầu tư được ghi nhận trong báo cáo tài chính năm 2016.

5.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2016	29.705.558.229	4.497.687.950	9.853.977.918	2.618.486.516	46.675.710.613
Mua trong năm	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2016	29.705.558.229	4.497.687.950	9.853.977.918	2.618.486.516	46.675.710.613
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2016	26.075.802.458	3.562.987.963	1.984.615.658	1.973.048.602	33.596.454.681
Khấu hao trong năm	1.053.940.079	33.095.028	972.359.886	189.067.342	2.248.462.335
Tại ngày 31/12/2016	27.129.742.537	3.596.082.991	2.956.975.544	2.162.115.944	35.844.917.016
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2016	3.629.755.771	934.699.987	7.869.362.260	645.437.914	13.079.255.932
Tại ngày 31/12/2016	2.575.815.692	901.604.959	6.897.002.374	456.370.572	10.830.793.597

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 7.020.683.511 VND – Xem thêm mục 5.14. Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 27.330.858.701 VND.

(Xem tiếp trang sau)

5.9. Đầu tư tài chính dài hạn

	Tại ngày 31/12/2016			Tại ngày 01/01/2016		
	VND			VND		
	Giá gốc	Dự phòng	Cộng	Giá gốc	Dự phòng	Cộng
Đầu tư vào đơn vị khác:						
Công ty Cổ phần du lịch Bình Châu	3.038.780.000	-	3.038.780.000	3.038.780.000	-	3.038.780.000
Công ty Cổ phần Sài Gòn Sông Cầu	200.000.000	-	200.000.000	200.000.000	-	200.000.000
Công ty Cổ phần du lịch và thương mại DIC	400.000.000	(258.000.000)	142.000.000	400.000.000	(258.000.000)	142.000.000
Công ty CP Cao su Đà Nẵng	-	-	-	679.975	-	679.975
Công ty CP Đại lý Liên hiệp Vận chuyển	-	-	-	97.469.462	(60.746.637)	36.722.825
Công ty CP Nam Việt	-	-	-	20.933.400	(19.301.400)	1.632.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	-	-	-	106.568.025	(51.992.425)	54.575.600
Cộng	3.638.780.000	(258.000.000)	3.380.780.000	3.864.430.862	(390.040.462)	3.474.390.400

Đầu tư vào Công ty Cổ phần du lịch Bình Châu 3.038.780.000 VND tương đương 1% vốn điều lệ. Đầu tư

vào Cổ phần Sài Gòn Sông Cầu 200.000.000 VND tương đương 6,1% vốn điều lệ.

Đầu tư vào Công ty Cổ phần du lịch và thương mại DIC 400.000.000 VND tương đương 0,15% vốn điều lệ.

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.

CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOURĐịa chỉ: 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.10. Phải trả người bán**

Các khoản phải trả cho từng người bán chiếm tỷ trọng dưới 10% trên tổng số phải trả người bán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và có khả năng trả nợ 100%.

5.11. Người mua trả tiền trước

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Trả trước cho hoạt động hướng dẫn du lịch	25.680.600.808	19.032.342.705
Trả trước cho hoạt động bán vé máy bay	393.095.439	5.122.130
Trả trước cho hoạt động khác	1.000.276.633	1.754.010.685
Cộng	27.073.972.880	20.791.475.520

5.12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 01/01/2016 VN	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Tại ngày 31/12/2016 VND
Phải nộp:				
Thuế giá trị gia tăng	-	6.477.451.523	(6.417.583.429)	59.868.094
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.597.065.406	(1.459.255.591)	137.809.815
Cộng		8.074.516.929	(7.876.839.020)	197.677.909
Phải thu:				
Thuế giá trị gia tăng	537.336.975	-	(537.336.975)	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	37.989.999	-	-	37.989.999
Thuế thu nhập doanh nghiệp	700.092.849	-	-	700.092.849
Thuế thu nhập cá nhân	637.609.018	-	(637.609.018)	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	435.706.126	702.767.206	(267.061.080)	-
Thuế môn bài	70.026.663	11.000.000	(4.000.000)	63.026.663
Các khoản phí, lệ phí	1.000.000	-	-	1.000.000
Cộng	2.419.761.630	713.767.206	(1.446.007.073)	802.109.511

5.13. Doanh thu chưa thực hiện

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Ngắn hạn:		
Dịch vụ hướng dẫn du lịch	20.953.964.833	16.148.427.280
Dịch vụ cho thuê mặt bằng nhận trước	115.719.574	435.938.969
Hoạt động khác	55.163.005	129.181.789
Cộng	21.124.847.412	16.713.548.038

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.14. Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2016		Trong năm		Tại ngày 01/01/2016	
	VND		VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn:						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN4	20.335.907.326	20.335.907.326	63.564.751.099	63.519.300.754	20.290.456.981	20.290.456.981
Công đoàn Viện kiểm sát Nhân dân Quận 1, TP. HCM	300.000.000	300.000.000	-	-	300.000.000	300.000.000
Cộng	20.635.907.326	20.635.907.326	63.564.751.099	63.519.300.754	20.590.456.981	20.590.456.981
Dài hạn:						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN4	5.952.628.701	5.952.628.701	-	2.913.485.340	8.866.114.041	8.866.114.041
Cộng	5.952.628.701	5.952.628.701	-	2.913.485.340	8.866.114.041	8.866.114.041
Tổng cộng	26.588.536.027	26.588.536.027	63.564.751.099	66.432.786.094	29.456.571.022	29.456.571.022

Vay ngắn hạn ngân hàng là các khoản vay có thời hạn 3 tháng với lãi suất từ 7,5% đến 8%/năm, nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động. Vay ngắn hạn

Công đoàn Viện kiểm sát có thời hạn 1 năm với lãi suất 12%/năm, nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, không có thế chấp. Vay dài hạn ngân hàng là

các khoản vay có thời hạn từ 54 đến 60 tháng với lãi suất theo từng lần nhận nợ, nhằm mục đích mua xe.

Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định dùng thế chấp theo các hợp đồng thế chấp với giá trị còn lại là 7.020.683.511 VND – Xem thêm mục 5.8.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP
THEO)**

5.15. Vốn chủ sở hữu

5.15.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2015	30.545.000.000	7.014.606.326	4.321.280.108	41.880.886.434
Lỗi trong năm trước	-	-	(12.112.223.840)	(12.112.223.840)
Sử dụng quỹ	-	(542.773.000)	-	(542.773.000)
Giảm khác	-	-	(63.200.000)	(63.200.000)
Tại ngày 31/12/2015	30.545.000.000	6.471.833.326	(7.854.143.732)	29.162.689.594
Tại ngày 01/01/2016	30.545.000.000	6.471.833.326	(7.854.143.732)	29.162.689.594
Lãi trong năm nay			4.750.690.014	4.750.690.014
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi			(500.000.000)	(500.000.000)
Sử dụng quỹ	-	(852.482.500)	-	(852.482.500)
Tại ngày 31/12/2016	30.545.000.000	5.619.350.826	(3.603.453.718)	32.560.897.108

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.15.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Vốn góp của Nhà nước	6.000.000.000	6.000.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	24.545.000.000	24.545.000.000
Cộng	30.545.000.000	30.545.000.000

5.15.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.054.500	3.054.500
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.054.500	3.054.500
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.054.500	3.054.500
Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.		

5.15.4. Lãi (lỗ) cơ bản/ Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2016 VND	Năm 2015
Lợi nhuận (lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.750.690.014	(12.112.223.840)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(500.000.000)	=
Lợi nhuận (lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.250.690.014	(12.112.223.840)
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân	3.054.500	3.054.500
Lãi (lỗ) cơ bản/ Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.392	(3.965)

5.16. Các khoản cổ phiếu

Ngoại tệ các loại:

	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
USD	16.670	44.772

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ hướng dẫn du lịch	344.932.354.618	297.251.740.590
Doanh thu bán vé máy bay và dịch vụ hàng không	68.863.959.528	168.270.437.312
Doanh thu tour F&E	8.168.547.496	10.223.817.367
Doanh thu cung cấp dịch vụ khách sạn	6.680.716.346	8.070.296.400
Doanh thu cung cấp dịch vụ ăn uống	135.166.722	1.207.647.319
Doanh thu cho thuê mặt bằng	9.314.844.937	7.068.692.073
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận chuyển	7.348.267.301	8.627.006.294
Doanh thu hoạt động khác	1.422.280.502	1.302.422.589
Cộng	446.866.137.450	502.022.059.944

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

6.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm 2016</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2015</u> <u>VND</u>
Hàng bán bị trả lại	470.056.161	899.450.804
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	23.157.693
Cộng	<u>470.056.161</u>	<u>922.608.497</u>

6.3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm 2016</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2015</u> <u>VND</u>
Giá vốn của dịch vụ hướng dẫn du lịch	326.905.997.316	283.723.329.022
Giá vốn của bán vé máy bay và dịch vụ hàng không	61.373.324.449	162.508.359.234
Giá vốn tour F&E	7.255.942.255	9.448.757.062
Giá vốn của dịch vụ khách sạn	3.261.245.861	3.758.939.140
Giá vốn của dịch vụ ăn uống	88.483.071	1.346.206.448
Giá vốn của hoạt động cho thuê mặt bằng	2.276.017.011	2.227.182.829
Giá vốn của dịch vụ vận chuyển	5.590.712.304	7.341.150.800
Giá vốn của hoạt động khác	818.029.411	793.899.428
Giá vốn kinh doanh chung	276.217.741	5.179.981.413
Cộng	<u>407.845.969.419</u>	<u>476.327.805.376</u>

6.4. Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng chủ yếu là chi phí giới thiệu, quảng cáo.

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm 2016</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2015</u> <u>VND</u>
Chi phí nhân viên quản lý	17.194.793.994	19.685.621.717
Chi phí vật liệu quản lý	186.486.332	738.533.684
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.350.812.402	1.323.749.695
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.280.154.444	1.155.884.713
Chi phí bằng tiền khác	2.708.546.447	3.492.657.433
Cộng	<u>22.720.793.619</u>	<u>26.396.447.242</u>

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

6.6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	4.750.690.014	(12.112.223.840)
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	38.992.921	-
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(232.364.700)	-
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	<u>4.557.318.235</u>	<u>(12.112.223.840)</u>
Chuyển lỗ các năm trước	(4.557.318.235)	-
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	<u>20%</u>	<u>22%</u>
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	-	-
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí được trừ khi tính thuế.

6.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.656.907.829	3.580.785.714
Chi phí nhân công	45.769.129.279	48.390.792.458
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.275.572.340	2.358.043.413
Chi phí dịch vụ mua ngoài	378.541.579.487	450.061.578.018
Chi phí khác bằng tiền	10.662.288.253	8.174.418.267
Cộng	<u>439.905.477.188</u>	<u>512.565.617.870</u>

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Dịch vụ hướng dẫn du lịch
- Bán vé máy bay và dịch vụ hàng không
- Dịch vụ nhà hàng, khách sạn
- Dịch vụ vận chuyển
- Chuyển nhượng bất động sản
- Dịch vụ khác

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

ĐVT: triệu đồng

	<u>Dịch vụ hướng dẫn du lịch</u>		<u>Bán vé máy bay và dịch vụ hàng không</u>		<u>Dịch vụ nhà hàng, khách sạn</u>		<u>Dịch vụ vận chuyển</u>		<u>Dịch vụ khác</u>		<u>Loai trừ</u>		<u>Tổng cộng</u>	
	<u>Năm</u>	<u>Năm</u>	<u>Năm</u>	<u>Năm</u>	<u>Năm</u>	<u>Năm</u>	<u>Năm</u>	<u>Năm</u>	<u>Năm</u>	<u>Năm</u>	<u>Năm</u>	<u>Năm</u>	<u>Năm</u>	<u>Năm</u>
	<u>2016</u>	<u>2015</u>	<u>2016</u>	<u>2015</u>	<u>2016</u>	<u>2015</u>	<u>2016</u>	<u>2015</u>	<u>2016</u>	<u>2015</u>	<u>2016</u>	<u>2015</u>	<u>2016</u>	<u>2015</u>
Doanh thu														
Từ khách hàng bên ngoài	353.101	307.476	68.394	167.371	6.816	9.255	7.348	8.627	10.737	8.371	-	-	446.396	501.099
Giữa các bộ phận	16.481	9.219	78.494	85.569	-	33	13.276	11.464	-	-	(108.252)	(106.284)	-	-
Cộng	369.582	316.694	146.888	252.940	6.816	9.287	20.625	20.091	10.737	8.371	(108.252)	(106.284)	446.396	501.099
Kết quả hoạt động kinh doanh														
Kết quả của bộ phận	18.939	14.303	7.021	4.863	3.466	4.150	1.758	1.286	7.643	5.350			38.826	33.964
Chi phí không phân bổ													32.336	41.418
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính													6.491	(11.466)
Thu nhập tài chính													571	293
Chi phí tài chính													2.411	1.625
Thu nhập khác													100	686
Lợi nhuận trước thuế													4.751	(12.112)
Thuế thu nhập doanh nghiệp													-	-
Lợi nhuận sau thuế													4.751	(12.112)

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Bên cạnh những thông tin về hoạt động kinh doanh của các bộ phận dựa trên cơ cấu tổ chức hoạt động của Công ty, những dữ liệu dưới đây còn trình bày các thông tin theo khu vực địa lý là bộ phận thứ yếu.

	DVT: triệu đồng											
	<u>Thành phố</u> <u>Hồ Chí Minh</u>		<u>Thành phố</u> <u>Hà Nội</u>		<u>Thành phố</u> <u>Cần Thơ</u>		<u>Thành phố</u> <u>Đà Nẵng</u>		<u>Loại trừ</u>		<u>Tổng cộng</u>	
	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015
Doanh thu												
Từ khách hàng bên ngoài	393.375	456.316	24.812	19.835	24.135	21.099	4.074	3.850		-	446.396	501.099
Giữa các bộ phận	100.662	98.023	3.034	2.452	2.433	2.453	2.122	3.355	(108.252)	(106.284)		-
Cộng	<u>494.035</u>	<u>554.339</u>	<u>27.846</u>	<u>22.288</u>	<u>26.568</u>	<u>23.552</u>	<u>6.196</u>	<u>7.205</u>	<u>(108.252)</u>	<u>(106.284)</u>	<u>446.396</u>	<u>501.099</u>

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

1. Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn
2. Ông Nguyễn Việt Hùng
3. Ông Đoàn Thiện Tấn
4. Ông Đặng Trung Nghĩa

Mối quan hệ

Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm 2016</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2015</u> <u>VND</u>
Chia cổ tức	-	305.450.000

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm 2016</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2015</u> <u>VND</u>
Lương Tổng Giám đốc	238.032.200	311.268.000
Lương các nhân viên quản lý chủ chốt khác	1.301.779.360	536.557.500

9. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

10. CÁC THÔNG TIN THUYẾT MINH KHÁC

Công ty là bị đơn và nguyên đơn trong một vụ kiện liên quan đến yêu cầu thanh toán tiền thuê mặt bằng từ tháng 10/2007 và hoàn trả mặt bằng tại 127-129A Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện vụ kiện đang được các cơ quan chức năng thụ lý. Kết quả của vấn đề này hiện chưa thể xác định được và không có bất kỳ khoản dự phòng công nợ phải trả nào có liên quan được ghi nhận trong báo cáo tài chính cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN VIỆT HÙNG